

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 16 - 9 - 2020.
V/v tranh chấp: “Kiện xin ly
hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - là Thư ký tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Phương T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 20, tổ 1, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố HP, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Hiện anh T2 đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam (Địa chỉ: Thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1960.

2/ Bà Đinh Thị T1, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố HP, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt chị T1 và bà T1; vắng mặt anh T2, ông Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai, các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đỗ Thị Phương T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Phương T1 và anh Nguyễn Văn T2 kết hôn vào ngày 16/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã TC (nay là phường TC), thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh nhau, cãi nhau trước mặt con cái và bố mẹ chồng, vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề kinh tế do không thống nhất được cách làm ăn. Cuộc sống mâu thuẫn kéo dài khiến cho tâm lý chị T1 trở nên căng thẳng từ năm 2017 đến nay. Từ tháng 4/2019 anh T2 phải đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam thì vợ chồng sống xa nhau nhưng mỗi tháng chị T1 vẫn vào thăm anh T2 một lần. Kể từ tháng 4/2020 đến nay thì chị T1 không vào thăm và không quan tâm đến anh T2 nữa. Nay do vợ chồng xa cách đã lâu, chị T1 nhận thấy chị không còn dành tình cảm cho anh T2, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Phi Y, sinh ngày 30/10/2007 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/9/2012, hiện nay cháu Nguyễn Phi Y đang ở với bố mẹ đẻ anh T2, còn cháu Nguyễn Minh H đang ở với chị. Khi vợ chồng ly hôn chị T1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, vì hiện nay anh T2 đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam nên không thể trực tiếp chăm sóc được các con chung. Nếu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung chị không yêu cầu anh T2 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có con riêng, con nuôi, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 có quan điểm:

- Về hôn nhân: Anh T2 xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã TC (nay là phường TC), thành phố PL, tỉnh Hà Nam, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 anh đi điều trị tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam, khoảng đầu năm 2020 chị T1 ở nhà có mối quan hệ ngoại tình với người nam giới khác. Đến nay anh xác định không còn tình cảm dành cho chị T1 vì vợ chồng sống xa nhau đã lâu. Nay chị T1 xin ly hôn, anh T2 không đồng ý ly hôn mà muốn khi nào hết thời gian điều trị mới đồng ý giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phi Y, sinh ngày 30/10/2007 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/9/2012. Nếu vợ chồng ly hôn anh T2 có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung. Tuy nhiên do anh T2 đang trong thời gian điều trị nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện nên anh T2 đề nghị giao cả hai con chung cho bố mẹ anh T2 là ông Nguyễn Văn Y và bà Đinh Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi anh T2 hết thời gian điều trị và trở về nhà. Về cấp dưỡng nuôi con chung,

tại biên bản hòa giải chị T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng/cho cả hai cháu anh T2 nhất trí.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn Y và bà Đinh Thị T1 (là bố, mẹ đẻ của anh T2) và tại phiên tòa bà T1 trình bày thì ông Y, bà T1 có đồng quan điểm như sau:

Chị T1 và anh T2 kết hôn vào khoảng tháng 6/2007, sau khi kết hôn chị T1 và anh T2 chung sống cùng gia đình ông bà. Trong cuộc sống hôn nhân chị T1 và anh T2 sống hạnh phúc, đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những va chạm nhỏ mà gia đình nào cũng có. Hiện nay anh T2 đang điều trị nghiện ma túy tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam thì cháu Nguyễn Phi Y đang ở với ông bà nội là ông Y và bà T1, còn cháu Nguyễn Trung H đang ở với ông bà ngoại, do ông bà ngoại chăm sóc. Nay chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2 ông Y, bà T1 có quan điểm là luôn mong muốn chị T1 và anh T2 đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung, tuy nhiên quyền quyết định là ở chị T1 và anh T2. Nay nguyện vọng của anh T2 muốn giao cả hai con chung cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T2 đi điều trị nghiện ông Y, bà T1 hoàn toàn nhất trí.

* Nguyện vọng của các con chung: Nếu bố mẹ ly hôn cháu Nguyễn Phi Y có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Nguyễn Minh H muốn được ở với mẹ, do mẹ chăm sóc.

* Quan điểm của chính quyền địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh T2 và chị T1 theo quy định pháp luật. Anh T2 và chị T1 có 02 con chung, khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Chị T1 vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2. Về phần con chung chị T1 giữ nguyên quan điểm là được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của bà Đinh Thị T1: Bà vẫn mong muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu nội (là con của chị T1 và anh T2) trong thời gian anh T2 đang điều trị nghiện ma túy tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên, bà đề nghị xem xét theo nguyện vọng của chị T1 và anh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự là chị T1, anh T2, bà T1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Y chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị Phương T1.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị Phương T1 và anh Nguyễn Văn T2.

Về con chung: Giao chị Đỗ Thị Phương T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/9/2012 cho đến khi cháu H trưởng thành 18 tuổi lao động tự lập được. Giao anh Nguyễn Văn T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Phi Y, sinh ngày 30/10/2007 cho đến khi cháu Y trưởng thành đủ 18 tuổi lao động tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T1 nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi T1 luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố HP, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Đỗ Thị Phương T1 và anh Nguyễn Văn T2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn T2 hiện đang điều trị nghiện ma túy tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Y đều vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có

đầy đủ lời khai của họ về quan điểm giải quyết vụ án. Do đó việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn Y tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Phương T1 và anh Nguyễn Văn T2 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam ngày 16/8/2007 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Phương T1 thì thấy: Cuộc hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đã có một thời gian dài chung sống cùng nhau. Chị T1 cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, anh T2 mãi chơi xa đà vào tệ nạn xã hội, từ giữa năm 2019 đến nay anh T2 phải đi điều trị nghiện ma túy tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam. Anh T2 xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì mà do chị T1 có mối quan hệ với người nam giới khác. Tuy nhiên, cả chị T1 và anh T2 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn dành cho nhau nữa, anh T2 không muốn ly hôn chỉ vì đang đi điều trị. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T1 và anh T2 đến nay không có tiếng nói chung nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị Phương T1 và anh Nguyễn Văn T2.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Phi Y, sinh ngày 30/10/2007 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/9/2012. Khi ly hôn cả chị T1 và anh T2 đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung. Song tại thời điểm giải quyết ly hôn, anh T2 đang đi điều trị nghiện ma túy tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam nên việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là không thực hiện được. Anh T2 có nguyện vọng giao hai con chung cho bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Văn Y và bà Đinh Thị T1 trông nom, nuôi dưỡng trong thời gian anh đi điều trị là không phù hợp pháp luật vì chị T1 cũng có nguyện vọng và có đầy đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Vì vậy cần giao cả hai con chung cho chị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi nuôi dưỡng hai con, nên anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1.

Về con nuôi, con riêng: Chị T1 và anh T2 cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị Đỗ Thị Phương T1 phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị Phương T1 và anh Nguyễn Văn T2.

2/ Về con chung: Giao chị Đỗ Thị Phương T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Phi Y, sinh ngày 30/10/2007 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/9/2012 kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đỗ Thị Phương T1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Phương T1 phải nộp 300.000đ. Chị T1 được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004523 ngày 11/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đỗ Thị Phương T1 và bà Đinh Thị T1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn Y vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường TC, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên

